

Số: 04/YCBG-TTYT

Trà Cú, ngày 05 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty in biểu mẫu, hồ sơ bệnh án tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Trà Cú có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu In biểu mẫu, hồ sơ bệnh án với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Trà Cú, địa chỉ khóm I, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Thạch Hiệp Anh, Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ, điện thoại: 0386435605

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận qua email: phongkhvtttytracu@gmail.com hoặc qua zalo của Thạch Hiệp Anh, nhân viên Phòng kế hoạch Nghiệp vụ, điện thoại số 0386435605.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 05 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

1. Danh mục biểu mẫu, hồ sơ bệnh án (phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện Trà Cú, khóm I, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.



3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày sau khi nhận đơn hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: sẽ được thiết lập khi thương thảo hợp đồng. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P. KHN.V.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC** *[Handwritten signature]*



Trần Văn Thế



DANH MỤC XIN BẢNG BÁO GIÁ IN BIỂU MẪU HỒ SƠ BỆNH ÁN NĂM 2025.

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Quy cách, thông số kỹ thuật	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
Phần 01: Hồ sơ bệnh án						
1	Bệnh án Cấp cứu	Bộ	20,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ (không có bìa).		Thông tư 32/2023/TT-BYT
2	Bìa Hồ sơ bệnh án	Tờ	20,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); 01 tờ in 2 mặt, fort 60, màu xanh. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
3	Bệnh án Bỏng	Bộ	100	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
4	Bệnh án HIV (ngoại trú)	Bộ	50	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa trắng cứng, 08 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ.		Thông tư số 28/2018/TT-BYT
5	Bệnh án mắt (phẫu thuật khúc xạ)	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
6	Bệnh án mắt (Thể thủy tinh)	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
7	Bệnh án ngoại khoa	Bộ	4,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
8	Bệnh án ngoại trú	Bộ	3,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.		Thông tư 32/2023/TT-BYT

Handwritten signature or mark.

9	Bệnh án ngoại trú Y học cổ truyền	Bộ	1,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
10	Bệnh án nhi khoa	Bộ	5,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
11	Bệnh án nội khoa	Bộ	20,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
12	Bệnh án nội trú Y học cổ truyền	Bộ	1,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
13	Bệnh án phụ khoa	Bộ	1,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa vàng, 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
14	Bệnh án phục hồi chức năng	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
15	Bệnh án phục hồi chức năng (ngoại trú)	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
16	Bệnh án phục hồi chức năng NHI	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
17	Bệnh án Răng Hàm mặt (ngoại trú)	Bộ	2,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 01 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
18	Bệnh án sản khoa	Bộ	1,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT

19	Bệnh án sơ sinh	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa hồng, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
20	Bệnh án Tai mũi họng	Bộ	200	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
21	Bệnh án tâm thần	Bộ	200	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột in 2 mặt, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
22	Bệnh án Da liễu	Bộ	500	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); Bìa xanh, 02 tờ ruột, Ruột fort 60, đóng gáy 10 tờ. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái trang bìa.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
Phần 2: mẫu Giấy Y					
23	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	100,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt. Gắn Logo của đơn vị góc trên bên trái màu mờ	Thông tư 32/2023/TT-BYT
24	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	15,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
25	Biểu đồ chuyển dạ	Tờ	1,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Ruột fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
26	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp 2-3	Tờ	50,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
27	Phiếu theo dõi và chăm sóc cấp I	Tờ	10,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Ruột fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
28	Phiếu bàn giao người bệnh chuyên khoa (Dành cho bác sỹ)	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Ruột fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT

29	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Ruột fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
30	Giấy cam kết chuyên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	7,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
31	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	TT32/2023/TT-BYT
32	Giấy đề nghị làm người đại diện cho người bệnh	Tờ	10,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
33	Giấy mời hội chẩn	Tờ	10,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
34	Biên bản hội chẩn	Tờ	15,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
35	Phiếu cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	10,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
36	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	2,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
37	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh tại khoa hồi sức tích cực	Tờ	20,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc) x 2 tờ; fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
38	Phiếu khám thai	Tờ	1,500	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-

						BYT
39	Phiếu điều trị sơ sinh sau sinh	Tờ	1,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, 02 tờ (in 2 mặt 1 tờ, in 1 mặt 1 tờ).		Thông tư 32/2023/TT-BYT
40	Phiếu nhận định ban đầu người bệnh nội trú (dành cho điều dưỡng – lúc nhập viện/nhập khoa)	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
41	Phiếu phẫu thuật	Tờ	7,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
42	Phiếu thủ thuật	Tờ	10,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
43	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nội trú	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
44	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi	Tờ	5,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
45	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh nhi sơ sinh (phần dành cho Điều dưỡng)	Tờ	1,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT
46	Phiếu hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh nội trú	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.		Thông tư 32/2023/TT-BYT

Handwritten signature

47	Phiếu tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe	Tờ	30,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
48	Phiếu tư vấn xét nghiệm HIV	Tờ	1,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	Thông tư số 01/2015/TT-BYT
49	Giấy khám sức khỏe cho người dưới 18 tuổi	Tờ	1,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
50	Giấy khám sức khỏe cho người trên 18 tuổi	Tờ	5,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư 32/2023/TT-BYT
51	Giấy khám sức khỏe cho người lái xe	Tờ	2,000	Quy cách: 30 cm (ngang) x 40 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	Thông tư số 36/2024/TT-BYT
52	Đơn thuốc	Cuốn	200	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 1 mặt.	Thông tư số 04/2022/TT-BYT
53	Đơn thuốc "H"	Cuốn	10	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 1 mặt.	Thông tư số 04/2022/TT-BYT
54	Đơn thuốc "N"	Cuốn	10	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 1 mặt.	Thông tư số 04/2022/TT-BYT
Phần 3: Các mẫu khác.					
55	Bao phim CT-Scanner	Cái	3,000	Quy cách: 37 cm (ngang) x 48 cm (dọc); Bao gồm nắp (4 cm); Bìa xanh; in 1 mặt.	
56	Bao phim X quang	Cái	30,000	Quy cách: 27 cm (ngang) x 32 cm (dọc); Bìa xanh, in 1 mặt.	
57	Bao thư	Cái	300	Quy cách: 22 cm (ngang) x 17 cm (dọc); fort 60, in 1 mặt.	

58	Sổ khám bệnh	Cuốn	30,000	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 12 tờ ruột, in 1 mặt.	
59	Lệnh điều xe	Cuốn	20	Quy cách: 30 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 1 mặt.	
60	Phiếu đồ xăng	Cuốn	20	Quy cách: 20 cm (ngang) x 15 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 1 mặt.	
61	Phiếu điện tim	Tờ	40,000	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); fort 60, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
62	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Cuốn	20	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
63	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Cuốn	30	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
64	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	30	Quy cách: 20 cm (ngang) x 30 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
65	Sổ báo cáo sự cố y khoa	Cuốn	20	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
66	Sổ góp ý	Cuốn	10	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
67	Sổ họp hội đồng người bệnh	Cuốn	20	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
68	Sổ khám sức khỏe định kỳ	Cuốn	200	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 24 tờ ruột, in 1 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT

2/2

69	Sổ khám thai A3/CSYT	Cuốn	4	Quy cách: 30 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	thông tư số 37/2019/TT- BYT
70	Sổ đề A4/CSYT	Cuốn	3	Quy cách: 30 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	thông tư số 37/2019/TT- BYT
71	Sổ lý lịch máy	Cuốn	50	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 20 tờ ruột, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
72	Sổ tài sản y dụng cụ	Cuốn	20	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT
73	Sổ theo dõi ADR	Cuốn	20	Quy cách: 15 cm (ngang) x 20 cm (dọc); Bìa xanh, Ruột fort 60, 100 tờ ruột, in 2 mặt.	QĐ: 4069/QĐ- BYT

Hình ảnh Logo của đơn vị.

